|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2021/TT-BKHĐT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**Dự thảo**

# THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số điều của nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển doanh nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn* *một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

# Chương I

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về hỗ trợ công nghệ (không bao gồm khoản 5 Điều 11); tư vấn; phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là DNNVV); hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và nội dung quản lý các hoạt động hỗ trợ DNNVV.

2. Đối tượng áp dụng: Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là Nghị định số 80/2021/NĐ-CP).

## Điều 2. Quy định chung về thực hiện hỗ trợ DNNVV

1. Các nội dung hỗ trợ về tư vấn cho DNNVV quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP sử dụng tư vấn viên thuộc mạng lưới tư vấn viên của các Bộ, cơ quan ngang bộ.

2. Giá trị phần ngân sách nhà nước hỗ trợ tính trên tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế, phí, lệ phí phải nộp.

3. Giá trị của một hợp đồng tư vấn trong Thông tư này xác định bằng đơn giá một ngày công làm việc của chuyên gia nhân với tổng số ngày làm việc của chuyên gia cộng với thuế, phí, lệ phí (nếu có).

4. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đăng ký tài khoản trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV (sau đây viết tắt là Cổng thông tin) tại địa chỉ <https://business.gov.vn> để thực hiện cập nhật thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ DNNVV và các thông tin liên quan định kỳ hàng quý.

5. Các mẫu, biểu tại phụ lục ban hành kèm Thông tư này có thể dưới dạng bản giấy, bản điện tử hoặc hình thức biểu mẫu điện tử nhưng phải đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định tại Thông tư; được lưu trữ theo đúng quy định về pháp luật lưu trữ và có thể xuất trình để phục vụ kiểm tra, kiểm toán khi cần thiết.

## Điều 3. Quy trình hỗ trợ

1. DNNVV gửi Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ tới cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

2. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV rà soát Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của DNNVV và có văn bản thông báo cho DNNVV theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV trực tiếp cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV:

a) Căn cứ thông báo về việc hỗ trợ cho DNNVV, cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV và DNNVV ký hợp đồng hỗ trợ đồng thời là hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ; tổ chức thực hiện hợp đồng; nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

b) DNNVV chi trả phần kinh phí theo thỏa thuận tại hợp đồng. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện thanh, quyết toán phần kinh phí NSNN hỗ trợ DNNVV theo quy định.

4. Trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV phối hợp với bên cung cấp:

a) DNNVV tìm kiếm bên cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ phù hợp để đàm phán, ký kết hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Trên cơ sở hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ đã ký, cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV xem xét, quyết định mức hỗ trợ; ra thông báo về việc hỗ trợ. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV cùng DNNVV và bên cung cấp ký hợp đồng hỗ trợ.

b) DNNVV và bên cung cấp thực hiện hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ; nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

c) DNNVV gửi bản sao hợp lệ hồ sơ nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV để thanh, quyết toán hợp đồng hỗ trợ.

d) Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện thanh toán cho bên cung cấp phần kinh phí NSNN hỗ trợ DNNVV theo hợp đồng hỗ trợ đã ký.

## Chương II

## HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

## Mục 1

## HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ, TƯ VẤN, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

## Điều 4: Hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp giải pháp chuyển đổi số công khai thông tin về tổ chức, doanh nghiệp sở hữu giải pháp, tính năng của giải pháp, chính sách giá và các thông tin khác liên quan đến giải pháp (nếu có) trên trang, cổng thông tin của các Bộ, ngành và địa phương; chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của thông tin cung cấp.

2. Giải pháp chuyển đổi số quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP là các giải pháp đã công khai đầy đủ thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này. Mỗi DNNVV được hỗ trợ kinh phí thuê giải pháp chuyển đổi số theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP trong thời gian không quá 5 năm.

3. Trước khi nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ chuyển đổi số, DNNVV thực hiện đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ DNNVV (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin) tại địa chỉ <https://business.gov.vn> , gửi kèm kết quả đánh giá trong hồ sơ đề xuất hỗ trợ.

## Điều 5: Mạng lưới tư vấn viên

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ giao đơn vị đầu mối trực thuộc xây dựng, vận hành mạng lưới tư vấn viên theo quy định tại khoản 1 Điều 13 và điểm đ khoản 5 Điều 28 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; công bố danh sách tư vấn viên trên trang, cổng thông tin của Bộ, cơ quan ngang bộ.

2. Đơn vị đầu mối trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang bộ đăng ký tài khoản trên Cổng thông tin để quản lý tư vấn viên thuộc lĩnh vực phụ trách; định kỳ hàng năm rà soát đưa ra khỏi mạng lưới các tư vấn viên không thực hiện được tối thiểu 01 hợp đồng tư vấn trong thời gian 36 tháng kể từ ngày được công nhận vào mạng lưới; tư vấn viên vi phạm quy định của pháp luật; tư vấn viên có hành vi trục lợi khi thực hiện tư vấn; tư vấn viên tư vấn DNNVV thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Tư vấn viên đăng ký tài khoản và cập nhật thông tin cá nhân trên Cổng thông tin theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Định kỳ sáu tháng, tư vấn viên thực hiện cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm và các hợp đồng tư vấn cho DNNVV trên Cổng thông tin.

## Điều 6. Quản lý, phát triển mạng lưới tư vấn viên

1. Việc quản lý mạng lưới tư vấn viên bao gồm các hoạt động sau:

a) Xây dựng mới, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu tư vấn viên;

b) Mua sắm, nâng cấp, duy trì hạ tầng phần cứng để lưu trữ cơ sở dữ liệu tư vấn viên;

c) Thuê chuyên gia, cộng tác viên rà soát, đánh giá hồ sơ tư vấn viên;

d) Đánh giá hoạt động hỗ trợ DNNVV của tư vấn viên và các hoạt động cần thiết liên quan.

2. Đào tạo phát triển mạng lưới tư vấn viên bao gồm các hoạt động sau:

a) Khảo sát nhu cầu đào tạo;

b) Tổ chức đào tạo.

3. Cơ quan đầu mối trực thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức khóa đào tạo nâng cao kỹ năng cho tư vấn viên thuộc lĩnh vực phụ trách như sau:

a) Thời lượng đào tạo, quy trình tổ chức khóa đào tạo cho tư vấn viên thực hiện như quy định về đào tạo khởi sự kinh doanh hoặc quản trị doanh nghiệp cơ bản quy định tại điểm 1, điểm 2 khoản 4 Điều 7 Thông tư này.

b) Số học viên tối thiểu để tổ chức 1 khóa đào tạo là 15 học viên. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% tổng chi phí tổ chức khóa đào tạo. Mỗi tư vấn viên được tham gia tối đa 02 khóa đào tạo trong một năm.

## Điều 7. Đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp

1. Khóa đào tạo khởi sự kinh doanh cung cấp kiến thức, kinh nghiệm cơ bản về khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp.

2. Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp bao gồm khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cơ bản và khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp chuyên sâu. Khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cung cấp kiến thức về quản trị kinh doanh, nâng cao kỹ năng vận hành, quản lý doanh nghiệp, trình độ quản trị sản xuất, kinh doanh.

3. Khóa đào tạo tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến cung cấp kiến thức quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất chuyên sâu, huấn luyện thực tiễn tại hiện trường doanh nghiệp.

4. Việc tổ chức các khóa đào tạo theo quy định dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên khóa đào tạo | Chuyên đề đào tạo | Thời lượngđào tạo | Đối tượng học viên | Số học viên tối thiểu/khóa | Quy trình tổ chức |
| 1 | Khởi sự kinh doanh | Mục 1 Phụ lục 2.1  | Từ 01 đến 02 ngày; không tổ chức đi thực tế tại doanh nghiệp. | Người lao động của DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh hoặc DNNVV mới thành lập trong vòng 5 năm tính đến năm tổ chức khóa đào tạo. | 30 | Mục 1Phụ lục 2.2  |
| 2 | Quản trị kinh doanh cơ bản | Mục 2 Phụ lục 2.1  | Từ 02 đến 05 ngày. Đối với lớp có thời lượng từ 03 ngày trở lên bố trí tối đa 1 ngày cho học viên thảo luận tình huống tại lớp hoặc đi nghiên cứu thực địa (nếu cần). | Người lao động của DNNVV | 30 | Mục 2Phụ lục 2.2 |
| 3 | Quản trị kinh doanh chuyên sâu | Mục 3 Phụ lục 2.1  | Từ 05 đến 28 ngày (có thể không liên tục); trong đó bố trí tối đa 1/3 thời gian cho học viên thảo luận tình huống tại lớp hoặc đi nghiên cứu thực địa trong, ngoài nước hoặc kết hợp cả hai (nếu cần). | Người quản lý của DNNVV. | 20 | Mục 3Phụ lục 2.2 |
| 4 | Đào tạo tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến | Mục 4 Phụ lục 2.1  | - Người lao động và người quản lý của DNNVV.- Học viên của DNNVV được tham gia tối đa 1 lần/năm. | 10 |

## Điều 8. Đào tạo trực tuyến về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp

Việc tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến theo quy định dưới đây.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Hình thức đào tạo | Chuyên đề đào tạo | Thời lượngđào tạo | Đối tượng học viên | Số học viên  | Quy trình tổ chức |
| 1 | Hệ thống đào tạo trực tuyến | Mục 5 Phụ lục 2.1  | Mỗi clip bài giảng tối đa 20 phút. Mỗi bài giảng bao gồm nhiều clip. | - Người lao động và cán bộ quản lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa. - Không giới hạn số lần tham gia học tập. | Không hạn chế | Mục 4Phụ lục 2.2 |
| 2 | Đào tạo trực tuyến qua công cụ dạy học trực tuyến có sẵn  | Áp dụng như thời lượng đào tạo quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này.  | Áp dụng như đối tượng học viên và số lần học viên tham gia học tập quy định khoản 4 Điều 8 Thông tư này. | Tối thiểu 30 học viên/khóa | Mục 5Phụ lục 2.2 |

# Mục 2

**HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ**

## Điều 9. Lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ

Việc lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ theo một trong các phương thức quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP thực hiện như sau:

1. Giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo được trao cho DNNVV trong thời gian không quá 5 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

3. Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo thành lập theo quy định của pháp luật về hỗ trợ DNNVV và khoa học và công nghệ.

4. Việc lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo thông qua Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

Ngân sách nhà nước chi trả cho các hoạt động sau: báo cáo rà soát hồ sơ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; họp chuyên môn đánh giá hồ sơ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; họp thẩm định lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và các hoạt động liên quan cần thiết khác.

## Điều 10: Chi phí hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo về đào tạo và tham gia cuộc thi về khởi nghiệp sáng tạo tại nước ngoài

1. Chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài bao gồm: học phí; chi phí vé máy bay khứ hồi 01 lần, chi phí đi lại, học phí, chi phí tài liệu, chi phí ăn, ở tại nước sở tại.

2. Chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo bao gồm: chi phí vé máy bay khứ hồi 01 lần, chi phí đi lại, ăn, ở tại nước sở tại, chi phí vận chuyển tài liệu, thiết bị phục vụ tham gia cuộc thi.

**Điều 11. Lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành để hỗ trợ**

Việc lựa chọn DNNVV trong cụm liên kết ngành để hỗ trợ theo một trong các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP thực hiện như sau:

1. DNNVV cùng với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành mua nguyên liệu từ một nhà cung cấp.

2. DNNVV cùng với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành bán sản phẩm, dịch vụ cho một nhà mua.

3. DNNVV cùng với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành mua bán, hợp tác liên kết với nhau.

4. DNNVV cùng với tối thiểu một doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành xây dựng và sử dụng thương hiệu vùng.

**Điều 12: Doanh nghiệp đầu chuỗi**

Doanh nghiệp đầu chuỗi theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP bao gồm:

1. Doanh nghiệp tại nước ngoài; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất, chế biến; doanh nghiệp lớn trong nước theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp trực tiếp cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 13. Lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi giá trị để hỗ trợ**

Việc lựa chọn DNNVV tham gia chuỗi giá trị để hỗ trợ theo một trong các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP thực hiện như sau:

1. DNNVV là doanh nghiệp đầu chuỗi theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. DNNVV có hợp đồng mua bán, hợp tác, liên kết với doanh nghiệp đầu chuỗi quy định tại Điều 12 Thông tư này.

3. DNNVV được cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV đánh giá có tiềm năng trở thành nhà cung ứng cho doanh nghiệp đầu chuỗi.

4. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV có thể sử dụng bộ công cụ đánh giá doanh nghiệp tiềm năng do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành hoặc tham khảo danh sách các DNNVV tiềm năng đăng tải trên Cổng thông tin để rà soát, quyết định lựa chọn DNNVV hỗ trợ.

## Điều 14. Hỗ trợ đào tạo DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

Hỗ trợ đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP thực hiện như sau:

## 1. Việc tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật chuyên sâu tại doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị thực hiện như khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp sản xuất chế biến quy định tại điểm 4 khoản 4 Điều 7 Thông tư này.

2. Chi phí đào tạo chi trả cho doanh nghiệp khi cử học viên tham gia khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị do bên cung cấp dịch vụ tổ chức. Chi phí đào tạo bao gồm: học phí; chi phí đi lại; chi phí ăn, ở; chi phí tài liệu.

# Chương III

# TỔ CHỨC THỰC HIỆN

## Điều 15. Tổng hợp, xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN hỗ trợ DNNVV

1. Đối với kế hoạch hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn ngân sách trung ương

a) Vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức hiệp hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ DNNVV.

b) Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách và các tổ chức hiệp hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh xây dựng kế hoạch dự toán NSNN hỗ trợ DNNVV trên địa bàn và thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch để tổng hợp, gửi Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương.

c) Căn cứ thông báo của cấp có thẩm quyền về dự toán chi ngân sách trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ DNNVV.

d) Trên cơ sở kế hoạch, dự toán kinh phí được giao, các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách và các tổ chức hiệp hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh triển khai hỗ trợ DNNVV và báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 28, khoản 7 Điều 29, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Biểu mẫu báo cáo thực hiện theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với kế hoạch hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn ngân sách địa phương

a) Căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và mục tiêu, định hướng hỗ trợ DNNVV tại địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi các sở, ngành và các tổ chức hiệp hội của địa phương hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách địa phương hỗ trợ DNNVV.

b) Các sở, ngành và các tổ chức hiệp hội của địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách địa phương hỗ trợ DNNVV gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, gửi Sở Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ DNNVV.

c) Căn cứ thông báo của cấp có thẩm quyền về dự toán chi ngân sách địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính xây dựng phương án phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ DNNVV.

d) Trên cơ sở kế hoạch, dự toán kinh phí được giao, các sở, ngành và các tổ chức hiệp hội của địa phương triển khai hỗ trợ DNNVV và báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

## Điều 16. Quản lý hoạt động hỗ trợ DNNVV

1. Quản lý hoạt động hỗ trợ DNNVV bao gồm các hoạt động sau:

a) Khảo sát nhu cầu hỗ trợ DNNVV.

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo hướng dẫn, đánh giá, tổng kết công tác hỗ trợ DNNVV.

c) Đánh giá, giám sát công tác hỗ trợ DNNVV.

2. Thu hồi kinh phí hỗ trợ thực hiện như sau:

a) DNNVV phải hoàn trả phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trong trường hợp cố ý kê khai thông tin không trung thực hoặc đã sử dụng kinh phí hỗ trợ không đúng mục đích hoặc thực hiện không đúng cam kết hỗ trợ.

b) Cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV thực hiện thu hồi phần kinh phí đối với khoản kinh phí đã hỗ trợ sai để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 17. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .. tháng.. năm 2021.

2. Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

## Điều 18: Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tổ chức hiệp hội thực hiện hỗ trợ cho DNNVV theo quy định tại Thông tư này và các văn bản hiện hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, giải quyết.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản thay thế./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Sở Kế hoạch và Đầu tư, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;- Website: Chính phủ, Bộ KHĐT, Công báo;- Lưu: VT, PTDN (TA10b) | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Trần Duy Đông** |